TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v:"*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về "*Ly hôn và tranh chấp nuôi về con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

Chị Trương Thị Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chổ ở hiện nay: Ấp C, xã D, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2.Bị đơn:

Anh Lê Minh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Đ vắng mặt và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2018, nguyên đơn là chị Trương Thị Đ trình bày:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng kí kết hôn tại UBND xã B vào ngày 05/5/2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cả hai sống hạnh phúc và có một con chung là cháu Lê Minh T1, sinh ngày 08/9/2011, hiện cháu đang sống với anh T. Hai người sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện chị và anh T ly thân từ lâu, chị trở về quê cha mẹ sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có ý định hàn gắn với nhau vì nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa vì vậy chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Cả hai có một con chung là cháu Lê Minh T1, sinh ngày 08/9/2011, hiện cháu đang sống chung với anh T, sau ly hôn, chị Đ đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và chị không không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Anh Lê Minh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơn vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Đ là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ là đúng qui định.

Anh T là bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Về nội dung:

Chị Đ và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng kí kết hôn tại UBND xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm vào ngày 05/5/2011 vì vậy hôn nhân của cả hai là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo chị Đ trình bày, thời gian đầu sau khi kết hôn, cả hai sống hạnh phúc và có một con chung là cháu Lê Minh Tỷ tuy nhiên hạnh phúc gia đình chỉ kéo dài được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, cả hai sống ly thân đã lâu, trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có ý định hàn gắn với nhau vì nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Thẩm phán đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích là hàn gắn quan hệ vợ chồng cho hai người tuy nhiên anh T đã không tham gia mà không có lí do chính đáng xem như đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Đ là không có mâu thuẫn.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định anh T dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng anh đã bỏ mặc cho chị Đ tự giải quyết, không cùng chị có biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để

kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy, tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của chị Đ cho chị Đ được ly hôn với anh T

Về con chung: Có một con chung là cháu tên Lê Minh T1, sinh ngày 08/9/2011, hiện cháu đang sống chung với ông T, sau ly hôn, chị Đ đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và chị Đ không không cấp dưỡng cho con.

Xét hiện con chung đang sống với anh T, việc giao con chung cho ai tiếp tục nuôi dưỡng là phải nhằm để ổn định cuộc sống, tâm lý và việc học của cháu đồng thời cháu Tỷ cũng có nguyện vọng được sống chung với anh T vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Minh T1 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng, chị Đ không tự nguyện cấp dưỡng cho con, còn Tài cũng không đến tòa trình bày yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này, nếu sau này anh T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung: Chị Đ trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Đ trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị Đ phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0016776 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, chị Đ đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về "*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Cụ thể tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trương Thị Đ, cho chị Trương Thị Đ được hôn với anh Lê Minh T.

2. *Về con chung:* Anh Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lê Minh T1, sinh ngày 08/9/2011.

Anh Lê Minh T không yêu cầu chị Trương Thị Đcấp dưỡng cho con chung.

Chị Trương Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Đ phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số số 0016776 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, chị Đ đã nộp xong án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã Châu Hòa;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đào Chí Cường

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bé **Lê Văn Cảnh** **Phạm Minh Tâm**